

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 691/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25-6-2019
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Viết Chính
2. Bà Lê Thị Khanh

- Thư ký phiên tòa: ông Vũ Hoàng Dũng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Ngọc Duyên- Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2019 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngân G- sinh năm: 1982. Địa chỉ: 44/10E Thống Nhất 2, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Anh Đoàn Phúc H, sinh năm 1982; Địa chỉ: 48/3 Thống Nhất 2, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 03-12-2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngân G trình bày:

Chị và anh Đoàn Phúc H tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 176, quyển số 01/2009 do UBND xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn cấp. Đến năm 2012 khi chị sinh con thứ hai thì phát sinh mâu thuẫn do anh H không chăm lo phụ giúp kinh tế cho chị nuôi con mà ham mê cờ bạc bị giang hồ đến đòi nợ, bản thân chị phải trả nợ cho anh H hơn 100 triệu đồng. Chị đã nộp đơn ly hôn hai lần đến Tòa án nhưng vì thương con còn nhỏ và muốn tạo điều kiện

cho anh H có cơ hội sửa sai nên chị đã rút đơn đoàn tụ, nhưng anh H không sửa đổi mà còn lừa dối chị, nên chị yêu cầu ly hôn với anh H

- Về con chung: **Có hai con chung tên Đoàn Mai Th, sinh ngày 04-6-2010 và Đoàn Thị Minh Ng, sinh ngày 28-5-2012. Chị G yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con**

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Đoàn Phúc H trình bày: Anh và chị G tự nguyện tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 176, quyền số 01/2009 do UBND xã T, huyện H cấp. Anh thừa nhận bản thân có ham mê cờ bạc dẫn đến nợ nần nên chị G không tin tưởng anh, anh nhiều lần xin chị G cho anh cơ hội sửa chữa, chăm lo cho gia đình, anh đã tu chí làm ăn, thời gian gần đây anh không ham cờ bạc. Anh có nguyện vọng đoàn tụ, không đồng ý ly hôn. Thời gian qua anh cũng cố gắng làm việc mong chuộc lại lỗi của mình mong chị G cho anh cơ hội, nhưng chị G cương quyết ly hôn anh đồng ý ly hôn với chị G với điều kiện chị G phải giao hai con cho anh trực tiếp nuôi dưỡng

- Về con chung: **Anh yêu cầu nuôi dưỡng hai con chung tên Đoàn Mai Th, sinh ngày 04-6-2010 và Đoàn Thị Minh Ng, sinh ngày 28-5-2012 anh không yêu cầu chị G cấp dưỡng.**

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không có

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:*

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa, nhưng người tham gia tố tụng vắng mặt Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt đảm bảo đúng quy định.

.Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của các bên đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị G và anh H tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01/2009, nên hôn nhân giữa chị G và anh H là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa anh chị có mâu thuẫn xảy ra, chị G cho rằng anh H ham mê cờ bạc không chăm lo kinh tế gia đình, không chăm sóc chị và hai con nhỏ. Anh H thừa nhận điều này, chị G đã đứng ra trả nợ cho anh nhiều lần, chị G cũng cho anh cơ hội và nay chị G không tin tưởng anh. Bản thân chị G không còn yêu thương,

không còn muốn chung sống cùng anh H. Tòa án đã tiến hành hòa giải để anh chị có thể hàn gắn gia đình, hòa giải những mâu thuẫn giữa hai bên, cùng nhau tiếp tục chung sống vợ chồng. Tuy nhiên, chị G vẫn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh H. Xét thấy hôn nhân giữa chị G và anh H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G là phù hợp.

[2] Về con chung: chị G anh H có 02 con chung tên **Đoàn Mai Th, sinh ngày 04-6-2010 và Đoàn Thị Minh Ng, sinh ngày 28-5-2012**. Chị G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh H cũng có yêu cầu nuôi dưỡng con chung và tại biên bản hòa giải anh H cho rằng anh sẽ đồng ý ly hôn với điều kiện chị G phải giao con chung cho anh nuôi dưỡng. Xét thấy, hai con chung của anh chị là cháu gái, chị G có thu nhập ổn định, có nhà còn anh H hiện sống tại phòng trọ, thu nhập của anh không ổn định. Mặt khác, hai con của chị G anh H có nguyện vọng sống với mẹ; để ổn định tâm sinh lý, đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: chị G tạm thời không yêu cầu anh Đoàn Phúc H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm : Nguyên đơn chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 ;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngân G. Chị Nguyễn Thị Ngân G, anh Đoàn Phúc H được ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 176, quyển 01/2009 ngày 27-10-2009 do Ủy ban nhân dân xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn cấp)

2. Về con chung: Giao hai con chung **Đoàn Mai Th, sinh ngày 04-6-2010 và Đoàn Thị Minh Ng, sinh ngày 28-5-2012** cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Chị G tạm thời không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84, Khoản 2 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: chị G phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00003428 ngày 29-01-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (ghi nhận đã nộp xong)

5. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn (Giấy CN kết hôn 176, quyển số 1/2009 ngày 27-10-2009);
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Nga

